

TTG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1408/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án phát triển ngành chế biến thủy sản giai đoạn 2021 - 2030

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... 5 ...
	Ngày: ... 17/8/21 ...

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững;

Căn cứ Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển ngành chế biến thủy sản giai đoạn 2021 - 2030 (sau đây viết tắt là Đề án) với các nội dung chính như sau:

I. QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG

1. Phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản thủy sản quy mô hàng hóa lớn, hiện đại, an toàn, hiệu quả và bền vững; là trung tâm và động lực cho phát triển chuỗi giá trị thủy sản; gắn với kế hoạch thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp và chiến lược phát triển ngành thủy sản; nâng cao năng lực cạnh tranh và chủ động hội nhập quốc tế để sớm đưa Việt Nam trở thành trung tâm chế biến thủy sản toàn cầu.

2. Phát huy tối đa lợi thế nguồn nguyên liệu trong nước, hài hòa với việc mở rộng thị trường nhập khẩu nguyên liệu hợp pháp.

3. Đầu tư, áp dụng khoa học công nghệ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là khâu đột phá trong phát triển chế biến thủy sản.

4. Hình thành các tập đoàn, công ty chế biến thủy sản lớn có tiềm lực kinh tế và trình độ quản lý ngang tầm thế giới.

5. Đa dạng hóa sản phẩm, tăng tỷ trọng sản phẩm giá trị gia tăng; đẩy mạnh chế biến các sản phẩm chủ lực, sản phẩm có thương hiệu và sản phẩm chế biến từ phụ phẩm.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển chế biến thủy sản hiện đại, hiệu quả và bền vững, đáp ứng được nhu cầu, quy định của thị trường tiêu thụ; nâng cao năng lực cạnh tranh và tiếp tục hội nhập sâu rộng vào chuỗi giá trị toàn cầu; phấn đấu đưa Việt Nam trở thành trung tâm chế biến thủy sản và đứng trong số 5 nước hàng đầu thế giới vào năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản chế biến đạt trên 6%/năm.
- Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm thủy sản chế biến giá trị gia tăng đạt trung bình trên 40% (trong đó: tôm đạt 60%, cá tra đạt 10%, cá ngừ đạt 70%, mực và bạch tuộc đạt 30%, thủy sản khác đạt 30%).
- Trên 70% số lượng cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu đạt trình độ và năng lực công nghệ sản xuất từ trung bình tiên tiến trở lên.
- Hình thành một số tập đoàn, doanh nghiệp chế biến thủy sản hiện đại, có tiềm lực kinh tế và trình độ quản lý ngang tầm thế giới.
- Giá trị chế biến thủy sản tiêu thụ nội địa đạt 40.000 - 45.000 tỷ đồng. Góp phần vào giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt khoảng 14 -16 tỷ USD.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

a) Kiểm soát và phát triển nguồn nguyên liệu chế biến thủy sản

Tổ chức thực hiện việc kiểm soát và phát triển nguồn nguyên liệu chế biến thủy sản từ nuôi trồng, khai thác và nhập khẩu nhằm đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp chế biến, phù hợp với nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; tuân thủ các điều kiện, quy định của Việt Nam và thông lệ quốc tế; đảm bảo các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, tránh gian lận xuất xứ, gian lận thương mại, cụ thể như sau:

- Nuôi trồng thủy sản:

Quy hoạch và ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật đồng bộ cho vùng nuôi thủy sản tập trung; tập trung tổ chức lại nuôi trồng thủy sản theo hướng liên kết sản xuất để tạo ra nguồn nguyên liệu chất lượng, an toàn thực phẩm, quy mô hàng hóa lớn cho hoạt động chế biến.

- Khai thác thủy sản:

+ Tổ chức lại hoạt động khai thác thủy sản đảm bảo tính hiệu quả, liên kết theo chuỗi giá trị; hình thành mô hình tổ đội, hợp tác, doanh nghiệp khai thác thủy sản gắn với dịch vụ hậu cần trên biển, trên bờ một cách đồng bộ.

+ Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật trong hoạt động khai thác, bảo quản hướng tới giảm tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch xuống dưới 10% vào năm 2030, tăng chất lượng và giá trị cho thủy sản sau khai thác.

+ Đồng bộ, hiện đại hóa hệ thống dịch vụ hậu cần nghề cá (tập trung vào hệ thống cảng cá, chợ cá) đủ năng lực tiếp nhận, bảo quản, thương mại sản phẩm khai thác.

- Nhập khẩu:

Điều tiết sản lượng và kiểm soát nguồn nguyên liệu thủy sản nhập khẩu phù hợp với nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; đảm bảo tuân thủ các quy định trong nước và quốc tế, tránh gian lận xuất xứ, gian lận thương mại.

b) Thu hút đầu tư, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả chế biến thủy sản

Thu hút đầu tư hình thành các tập đoàn, công ty chế biến thủy sản lớn có tiềm lực kinh tế và trình độ quản lý ngang tầm thế giới; nâng cấp các cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu đạt trình độ và năng lực công nghệ sản xuất tiên tiến; nâng cao năng lực chế biến, trình độ công nghệ đối với các cơ sở chế biến tiêu thụ thủy sản trong nước, đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, đa dạng hóa chủng loại sản phẩm chế biến thủy sản, cụ thể:

+ Hình thành các tập đoàn, công ty chế biến thủy sản quy mô lớn với công nghệ tiên tiến, thiết bị chế biến hiện đại, đồng bộ, gắn với các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung, các trung tâm nghề cá lớn của cả nước.

+ Hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp, hình thành các cụm công nghiệp liên kết ngành chế biến thủy sản, chuỗi giá trị trong sản xuất công nghiệp nông thôn.

+ Quy hoạch và xây dựng khu chế biến thủy sản nội đồng tại các tỉnh có diện tích mặt nước lớn có tiềm năng phát triển vùng nuôi tạo nguồn nguyên liệu hàng hóa cho chế biến.

+ Tổ chức xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng chế biến nhằm kết nối chặt chẽ giữa người sản xuất, thu mua, chế biến với nhà phân phối thủy sản; ưu tiên đầu tư hệ thống kho lạnh đạt chuẩn phục vụ bảo quản nguyên liệu và thành phẩm.

+ Xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo đặt tại các trung tâm nghề cá lớn làm động lực thúc đẩy ngành chế biến thủy sản. Các trung tâm đổi mới sáng tạo được đầu tư hiện đại để trực tiếp tiến hành các nghiên cứu và hỗ trợ các doanh nghiệp trong vùng ứng dụng và phát triển sản phẩm, đặc biệt cho các doanh nghiệp quy mô nhỏ và hộ gia đình.

c) Đẩy mạnh chế biến sản phẩm thủy sản có giá trị gia tăng cao

Đẩy mạnh chế biến các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, chú trọng tới nhóm sản phẩm chủ lực (tôm, cá tra, cá ngừ); đa dạng hóa các sản phẩm chế biến, tập trung nghiên cứu phát triển các sản phẩm từ cá ngừ, rong tảo biển và phụ phẩm; tách chiết các hợp chất có hoạt tính sinh học có giá trị cao phục vụ ngành thực phẩm, hoá dược, cụ thể:

+ Chuyên dịch hợp lý cơ cấu sản phẩm theo 03 nhóm sản phẩm: sản phẩm chủ lực quốc gia; sản phẩm chủ lực cấp tỉnh và sản phẩm đặc sản địa phương theo mô hình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP).

+ Tập trung chế biến các sản phẩm giá trị gia tăng cao phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước từ: tôm, cá tra, cá ngừ, rong tảo biển.

+ Đa dạng hóa các sản phẩm thủy sản chế biến để tận dụng lợi thế về nguồn nguyên liệu thủy sản, phục vụ thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước.

+ Phát triển các sản phẩm chế biến đặc sản địa phương, sản phẩm OCOP tạo thương hiệu riêng và vững chắc của từng vùng miền.

+ Khuyến khích nghiên cứu, tách chiết các hợp chất có hoạt tính sinh học có giá trị cao phục vụ ngành thực phẩm, hoá dược...; nghiên cứu, thử nghiệm các sản phẩm có giá trị kinh tế từ phụ phẩm như: nguyên liệu làm thức ăn bổ sung trong chăn nuôi, phân bón...

d) Phát triển thị trường tiêu thụ thủy sản

- Thị trường xuất khẩu:

+ Ưu tiên xây dựng và thực hiện chương trình phát triển các thị trường trọng điểm; xây dựng và quảng bá thương hiệu cho các nhóm sản phẩm chủ lực, trước mắt là: tôm, cá tra, cá ngừ. Từng bước hình thành các văn phòng đại diện và xây dựng mạng lưới phân phối sản phẩm thủy sản Việt Nam tại nước ngoài. Tập trung nguồn lực xúc tiến thương mại vào các thị trường lớn như EU, Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, ASEAN... và các thị trường tiềm năng khác.

+ Tổ chức nghiên cứu, phân tích và dự báo về nhu cầu, xu hướng tiêu thụ sản phẩm, biến động thị trường; cập nhật thông tin về chính sách thương mại của các quốc gia và của từng thị trường về thị phần, thị hiếu, giá cả, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, rào cản kỹ thuật, thuế quan... để cung cấp cho các nhà hoạch định chính sách, doanh nghiệp chế biến thủy sản làm căn cứ cho định hướng phát triển.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình truyền thông chủ động, quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm thủy sản Việt Nam đến các kênh phân phối lớn, tiếp cận trực tiếp người tiêu dùng trên thế giới.

+ Chủ động ứng phó, đấu tranh với rào cản thương mại do chính sách bảo hộ của các nước nhập khẩu gây ra bằng cách sản xuất ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế và nâng cao trình độ hiểu biết luật pháp quốc tế cho các nhà quản lý và doanh nghiệp.

+ Phổ biến các quy định, yêu cầu, cam kết quốc tế và Hiệp định thương mại, nâng cao hiểu biết pháp luật quốc tế cho doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu.

+ Tổ chức hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm thủy sản chủ lực, sản phẩm mới, sản phẩm giá trị gia tăng đến các nhà phân phối, hệ thống siêu thị, người tiêu dùng; đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý sản phẩm thủy sản của Việt Nam.

- Thị trường tiêu thụ nội địa:

+ Xây dựng mô hình phát triển sản phẩm thủy sản truyền thống, đặc sản, sản phẩm có thương hiệu, uy tín, đảm bảo chất lượng cao, an toàn thực phẩm, tiện dụng, giá cả cạnh tranh.

+ Tổ chức hệ thống phân phối thủy sản tại các đô thị, khu công nghiệp tập trung; triển khai các chương trình đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm thủy sản theo hệ thống từ sản xuất đến tiêu dùng.

+ Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại trong nước; tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

đ) Tổ chức lại chuỗi sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh của sản phẩm thủy sản chế biến

- Tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị (liên kết dọc) từ khai thác, nuôi trồng, thu mua nguyên liệu, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; đáp ứng yêu cầu về quản lý nguồn gốc hợp pháp của nguyên liệu, chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm; đáp ứng các tiêu chuẩn sản xuất bền vững (bao gồm tiêu chuẩn về môi trường, lao động...) nhằm gia tăng tính cạnh tranh tại thị trường trong và ngoài nước của sản phẩm thủy sản chế biến.

- Tổ chức hiệu quả liên kết ngang giữa các cơ sở nuôi trồng thủy sản/ khai thác thủy sản nhằm tạo nguồn nguyên liệu trong nước đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng cho chế biến thủy sản.

2. Giải pháp

a) Phát triển khoa học công nghệ

- Thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030 (Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ); hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh đối với các sản phẩm quốc gia thông qua việc nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến, thành tựu của cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư vào sản xuất.

- Nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ tiên tiến và áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong chế biến, bảo quản và vận chuyển thủy sản, giảm tổn thất sau thu hoạch; nghiên cứu phát triển sản phẩm mới giá trị gia tăng từ nguyên phụ liệu thủy sản, công nghệ sản xuất thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ thủy sản; cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm thủy sản truyền thống; sản xuất phụ gia cho chế biến thủy sản.

- Xây dựng các mô hình xử lý và bảo quản thủy sản sau thu hoạch cho các chủ tàu, ngư dân trực tiếp khai thác trên biển, chủ cơ sở thu mua nguyên liệu thủy sản nhằm phát huy tiềm năng và lợi thế về khai thác, nuôi trồng thủy sản của các địa phương.

- Xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo đặt tại các trung tâm nghề cá lớn làm động lực thúc đẩy ngành chế biến thủy sản; khuyến khích doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào các trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Lấy doanh nghiệp làm trung tâm nghiên cứu phát triển ứng dụng và chuyển giao công nghệ số; tăng cường liên kết doanh nghiệp chế biến với các viện nghiên cứu, trường đại học, trong đó tập trung vào nâng cao năng lực của doanh nghiệp chế biến thủy sản về tiếp thu, làm chủ và từng bước tham gia tạo công nghệ mới.

- Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh, quản lý, truy xuất nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm; trước mắt áp dụng chuyển đổi số trong các doanh nghiệp chế biến thủy sản, tiến tới thực hiện trên toàn chuỗi sản xuất.

- Thúc đẩy thực hiện việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý trong và ngoài nước cho sản phẩm thủy sản chủ lực, sản phẩm thủy sản chế biến truyền thống và đặc sản của địa phương.

b) Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách thu hút đầu tư, phát triển chế biến thủy sản

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, cải cách thủ tục hành chính; cắt giảm mạnh các rào cản về điều kiện kinh doanh, tạo sức hấp dẫn doanh nghiệp đầu tư, nâng cấp cơ sở chế biến thủy sản với công nghệ tiên tiến và tiết kiệm năng lượng.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách tạo điều kiện phát triển vùng sản xuất nguyên liệu tập trung, hình thành các cụm công nghiệp liên kết ngành chế biến thủy sản, đầu tư hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Hoàn thiện chính sách nhập khẩu nguyên liệu và thiết lập hệ thống hàng rào kỹ thuật của Việt Nam phù hợp với quy định quốc tế.

- Xây dựng cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính mới, có tính đặc thù; khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ cao trong chế biến thủy sản.

- Xây dựng chính sách khuyến khích các hộ chế biến thủy sản quy mô nhỏ liên kết theo mô hình doanh nghiệp cổ phần, hợp tác xã, tổ hợp tác đảm bảo điều kiện về an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục triển khai và tháo gỡ khó khăn trong việc tiếp cận các chính sách về liên kết sản xuất, hỗ trợ tín dụng, bảo hiểm nông nghiệp, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp.

c) Nâng cao chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm đối với sản phẩm thủy sản chế biến

- Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, kiểm dịch xuất nhập khẩu sản phẩm thủy sản; nhập khẩu, sản xuất kinh doanh và sử dụng thức ăn, thuốc thú y thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương thích với trình độ quốc tế cho tất cả các khâu trong chuỗi sản xuất, kinh doanh thủy sản.

- Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (HACCP, ISO...) trong các cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu để đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm theo chuẩn quốc tế.

- Hòa với tiêu chuẩn quốc tế của các nước nhập khẩu về mức giới hạn dư lượng tối đa cho phép đối với các sản phẩm thủy sản chế biến.

d) Phát triển hệ thống dịch vụ hậu cần và công nghiệp phụ trợ phục vụ ngành chế biến thủy sản

- Phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ, đảm bảo giao thương được thuận tiện.

- Đầu tư phát triển chuỗi cung ứng lạnh và các dịch vụ có liên quan đến xuất nhập khẩu sản phẩm thủy sản; ưu tiên đầu tư xây dựng kho lạnh quy mô lớn tại các trung tâm nghề cá, chợ đầu mối thủy sản, cửa khẩu biên giới với Trung Quốc và các kho lạnh ngoại quan.

- Phát triển công nghệ phụ trợ phục vụ ngành công nghiệp chế biến thủy sản, trước mắt tập trung vào chế tạo sản xuất các loại máy móc, trang thiết bị, dây chuyền sản xuất trong nước; phát triển sản xuất các loại bao bì đóng gói, các loại phụ gia chất bảo quản... đảm bảo an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường.

đ) Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Tăng cường đào tạo, tập huấn cho cán bộ khuyến nông, khuyến công nhằm hình thành đội ngũ cán bộ kỹ thuật có đủ năng lực hỗ trợ, tư vấn phát triển công nghiệp chế biến thủy sản ở địa phương.

- Tăng cường đào tạo đội ngũ quản lý sản xuất, công nhân kỹ thuật trình độ cao để đáp ứng yêu cầu vận hành các dây chuyền thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến; tổ chức đào tạo, tập huấn kiến thức về kỹ thuật sản xuất, chế biến, bảo quản thủy sản, an toàn thực phẩm, phát triển thị trường cho đội ngũ quản lý và công nhân lao động trực tiếp tại cơ sở.

- Thực hiện hợp tác, liên kết giữa các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp, gắn đào tạo với sử dụng lao động tại chỗ hoặc đặt hàng về đào tạo.

e) Về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

- Tiếp tục hỗ trợ, đào tạo cho các doanh nghiệp, cơ sở chế biến thủy sản áp dụng sản xuất sạch hơn, tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, giảm thiểu chất thải và xử lý hiệu quả các nguồn thải từ hoạt động sản xuất, bảo quản, chế biến thủy sản.

- Kiểm soát trong nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản, nhập khẩu nguyên liệu đảm bảo 100% nguyên liệu đưa vào chế biến thủy sản có nguồn gốc hợp pháp.

IV. CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ ƯU TIÊN

1. Dự án đổi mới công nghệ quốc gia, phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm giá trị gia tăng cao có nguồn gốc từ nguyên liệu, phụ phẩm thủy sản phục vụ ngành thực phẩm, hoá dược.

2. Nhiệm vụ đánh giá tác động của các chính sách khuyến khích phát triển chế biến, bảo quản thủy sản giai đoạn 2010 - 2020 và đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung cho giai đoạn 2021 - 2030.

3. Dự án điều tra, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp thúc đẩy chế biến, tiêu thụ sản phẩm thủy sản nội địa.

4. Nhiệm vụ xúc tiến đầu tư phát triển hệ thống kho lạnh bảo quản thủy sản.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu, đánh giá và thông tin kịp thời nhu cầu, thị hiếu tiêu dùng thủy sản của các thị trường xuất khẩu trọng điểm, thị trường tiềm năng; xây dựng định hướng xuất khẩu thủy sản giai đoạn 2021 - 2030.

6. Nhiệm vụ hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp, hình thành các cụm công nghiệp liên kết ngành chế biến thủy sản, chuỗi giá trị trong sản xuất công nghiệp nông thôn.

(Các Dự án, nhiệm vụ ưu tiên thực hiện Đề án tại Phụ lục I kèm theo).

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

- Kinh phí thực hiện Đề án được đảm bảo từ ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành; từ nguồn vốn của doanh nghiệp, từ nguồn vốn tài trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Căn cứ vào các nhiệm vụ được giao trong Đề án, các bộ, ngành liên quan xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm và lập dự toán nhu cầu kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Các địa phương có trách nhiệm bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện các hoạt động phát triển, thúc đẩy phát triển chế biến thủy sản tại địa phương theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan cơ liên quan tổ chức thực hiện Đề án; chủ động lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án với các chương trình mục tiêu quốc gia và các Đề án, dự án có liên quan do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện.

b) Tổ chức hướng dẫn, giám sát, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết đánh giá kết quả thực hiện hàng năm, 5 năm và tổng kết 10 năm; kịp thời đề xuất, kiến nghị trình Thủ tướng Chính phủ quyết định những vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền, điều chỉnh Đề án, bổ sung các dự án, nhiệm vụ ưu tiên phù hợp với điều kiện thực tiễn.

c) Xem xét lựa chọn doanh nghiệp, chuỗi sản xuất tôm, cá tra, cá ngừ, rong tảo biển để hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật trong nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm giá trị gia tăng cao có nguồn gốc từ nguyên liệu và phụ phẩm thủy sản.

d) Nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ và tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất, bảo quản, chế biến thủy sản.

đ) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành rà soát, bổ sung các quy chuẩn, tiêu chuẩn; các chính sách mang tính đặc thù của ngành chế biến thủy sản như giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao tỷ lệ thủy sản qua chế biến, đầu tư ứng dụng công nghệ cao, đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất, quản lý môi trường để thúc đẩy phát triển ngành chế biến thủy sản hiện đại, hiệu quả, an toàn và bền vững.

e) Xây dựng, thực hiện kế hoạch tháo gỡ hàng rào kỹ thuật của các thị trường nhập khẩu sản phẩm thủy sản Việt Nam.

g) Rà soát, đầu tư và nâng cấp cơ sở dữ liệu quốc gia về chế biến thủy sản.

h) Xây dựng, triển khai các Dự án, nhiệm vụ ưu tiên thuộc Đề án này.

i) Phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí kinh phí ngân sách nhà nước cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Đề án và các dự án ưu tiên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; cân đối, bố trí vốn để thực hiện các nhiệm vụ tại Đề án theo đúng tiến độ sau khi được cấp có thẩm quyền phân bổ.

2. Bộ Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, đánh giá và thông tin kịp thời về nhu cầu, thị hiếu tiêu dùng thủy sản của các thị trường trọng điểm, thị trường tiềm năng; xây dựng định hướng xuất khẩu thủy sản giai đoạn 2021 - 2030.

b) Chủ trì, thúc đẩy các hoạt động hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp, hình thành các cụm công nghiệp liên kết ngành chế biến thủy sản, chuỗi giá trị trong sản xuất công nghiệp nông thôn.

c) Chủ trì, phối hợp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, đánh giá các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại; đổi mới nội dung và hình thức xúc tiến thương mại, kết hợp quảng bá, giới thiệu sản phẩm với tổ chức lễ hội, quảng bá du lịch ở địa phương, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực phát triển sản phẩm thủy sản đáp ứng yêu cầu của thị trường, mở rộng tiêu thụ các mặt hàng thủy sản tại chuỗi siêu thị, cửa hàng tiện ích, cửa

hàng thực phẩm sạch, các điểm du lịch trong nước; xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm tại các thị trường trọng điểm; phối hợp với hệ thống Thương vụ tại nước ngoài đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại đưa hàng hóa thủy sản Việt Nam tiếp cận thị trường các hệ thống bán lẻ, chuỗi siêu thị tại nước ngoài.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bên có liên quan phát triển hậu cần dịch vụ gắn với vùng sản xuất, kinh doanh thủy sản nhằm giúp doanh nghiệp giảm chi phí và thời gian vận chuyển, phân phối sản phẩm.

đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, ban hành danh mục sản phẩm cơ khí chế tạo, linh kiện, máy nông nghiệp và sản phẩm phụ trợ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn được hỗ trợ đầu tư, trong đó bao gồm các loại máy phục vụ chế biến, bảo quản thủy sản.

e) Xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện một số Dự án, nhiệm vụ ưu tiên thuộc Đề án này.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Tập trung ưu tiên đầu tư khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến đối với các ngành hàng chủ lực, đặc biệt là công nghệ bảo quản sau thu hoạch, chế biến nhằm nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm thủy sản; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các mặt hàng giá trị gia tăng (dầu cá, collagen, chitin, chitosan, bột cá...) từ phụ phẩm trong chế biến thủy sản.

b) Tăng cường hỗ trợ bảo hộ sở hữu trí tuệ, bí quyết và giải pháp công nghệ trong lĩnh vực chế biến, bảo quản thủy sản ở trong nước và quốc tế cho các sản phẩm thủy sản chủ lực, đặc thù; thúc đẩy xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm quốc gia; triển khai mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa, vận hành và quản trị Cổng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia; nghiên cứu phát triển các giải pháp kỹ thuật nhằm bảo đảm khả năng tương tác, trao đổi, kết nối dữ liệu truy xuất với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

4. Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí kinh phí ngân sách nhà nước cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành khác để thực hiện Đề án và các dự án ưu tiên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

5. Các bộ, ngành liên quan

Các bộ, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ của Đề án.

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển chế biến thủy sản, cơ chế chính sách thúc đẩy liên kết sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ phù hợp với chức năng nhiệm vụ và nguồn lực của địa phương.

b) Tổ chức quy hoạch sử dụng đất dành cho các khu chế biến thủy sản tập trung và các cụm công nghiệp liên kết ngành chế biến thủy sản; ưu tiên bố trí nguồn kinh phí thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ chế biến.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng các mô hình chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ thủy sản tại địa phương.

d) Phối hợp với các bộ, ngành và địa phương khác kiểm soát an toàn thực phẩm sản phẩm thủy sản chế biến, đặc biệt là đối với các làng nghề chế biến thủy sản; triển khai mô hình điểm kiểm soát an toàn thực phẩm tại các cơ sở chế biến, chợ, siêu thị kinh doanh thực phẩm thủy sản.

đ) Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp triển khai các chương trình, dự án thuộc phạm vi Đề án này; căn cứ điều kiện thực tế, lồng ghép các nội dung của Đề án này vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

e) Căn cứ điều kiện thực tế, xây dựng cơ chế phối hợp, liên kết các tỉnh trong vùng tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp chế biến có đủ nguồn nguyên liệu phục vụ chế biến thủy sản cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

7. Các Hội, Hiệp hội và Doanh nghiệp thủy sản

a) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện Đề án tới các thành viên.

b) Xây dựng, phát triển thị trường, xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm thủy sản trong và ngoài nước.

c) Tham gia đề xuất cơ chế chính sách và biện pháp khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển chế biến, bảo quản và tiêu thụ thủy sản gắn với tổ chức sản xuất nguyên liệu.

(Kế hoạch thực hiện Đề án tại Phụ lục II kèm theo).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

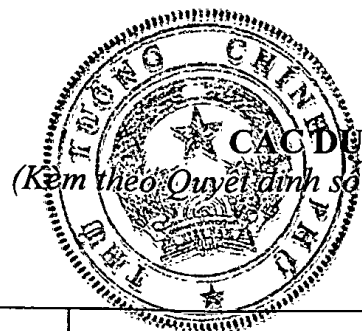
Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, PTTg,
TGD Công TTĐT, các Vụ;
- Lưu: VT, NN (2b). 102



Lê Văn Thành



Phụ lục I
ÁP AN, NHIỆM VỤ ƯU TIÊN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN
(*Kèm theo Quyết định số 1408/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng chính phủ*)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Tên chương trình/dự án	Mục tiêu	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự trữ kinh phí		Thời gian thực hiện dự kiến
						Nguồn ngân sách	Nguồn xã hội hóa	
1	Dự án đổi mới công nghệ quốc gia, phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm giá trị gia tăng cao có nguồn gốc từ nguyên liệu, phụ phẩm thủy sản phục vụ ngành thực phẩm, hóa dược	Đổi mới công nghệ, thiết bị, ứng dụng công nghệ cao nhằm: Nâng cao năng suất, chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm, đặc biệt trong chế biến sản phẩm thủy sản có giá trị gia tăng cao phục vụ ngành thực phẩm, hóa dược; Giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao hiệu quả sản xuất; tận dụng tối đa, hiệu quả nguồn phụ phẩm trong chế biến thủy sản.	Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển, đổi mới công nghệ, thiết bị, mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh đối với các sản phẩm thủy sản có giá trị gia tăng cao; nghiên cứu, phát triển các công nghệ cao nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch trong khai thác thủy sản, nâng cao hiệu quả sản xuất; hỗ trợ doanh nghiệp, các tổ chức khoa học và công nghệ triển khai sản xuất thử nghiệm sản phẩm công nghệ cao từ nguồn phụ phẩm trong chế biến thủy sản.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, doanh nghiệp chế biến thủy sản, Hiệp hội	20	80	2021 - 2030

STT	Tên chương trình/dự án	Mục tiêu	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự trù kinh phí		Thời gian thực hiện dự kiến
						Nguồn ngân sách	Nguồn xã hội hóa	
2	Đánh giá tác động của các chính sách khuyến khích phát triển chế biến, bảo quản thủy sản giai đoạn 2010 - 2020 và đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung cho giai đoạn 2021 - 2030.	Rà soát, đánh giá được tác động của các chính sách: Thuế, đất đai, khoa học công nghệ, tín dụng, đầu tư... liên quan đến lĩnh vực chế biến, bảo quản thủy sản giai đoạn 2010 - 2020; đề xuất, sửa đổi, bổ sung các chính sách cho giai đoạn 2021 - 2030 theo hướng thiết thực, hiệu quả nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp chế biến thủy sản phát triển.	Thu thập, tổng hợp các chính sách có liên quan đến lĩnh vực chế biến, bảo quản thủy sản giai đoạn 2010 - 2020 (chính sách thuế, tín dụng, khuyến khích đầu tư, đất đai...); khảo sát, phỏng vấn, thảo luận với một số doanh nghiệp chế biến về vai trò, sự cần thiết và các tác động của chính sách đến doanh nghiệp; phân tích, đánh giá tác động của các chính sách đến doanh nghiệp chế biến; đề xuất, sửa đổi, bổ sung các chính sách cho giai đoạn 2021 - 2030 theo hướng thiết thực, hiệu quả nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp chế biến thủy sản phát triển.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Công Thương, doanh nghiệp chế biến thủy sản, Hiệp hội	10	-	2022 - 2023

STT	Tên chương trình/dự án	Mục tiêu	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự trù kinh phí		Thời gian thực hiện dự kiến
						Nguồn ngân sách	Nguồn xã hội hóa	
3	Dự án điều tra, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp thúc đẩy chế biến, tiêu thụ sản phẩm thủy sản nội địa.	Đánh giá được hiện trạng chế biến, bảo quản, phân phối, tiêu thụ các sản phẩm thủy sản theo tiếp cận chuỗi; đề xuất được các giải pháp thúc đẩy chế biến, tiêu thụ các sản phẩm thủy sản trong nước.	Điều tra, đánh giá tổng quan các kênh phân phối và tiêu thụ trong nước đối với các sản phẩm thủy sản; phân tích, đánh giá thói quen, xu hướng tiêu dùng thủy sản của người dân tại các vùng, miền trên cả nước; đề xuất các giải pháp thúc đẩy chế biến, bảo quản, phân phối, tiêu thụ các sản phẩm thủy sản trong nước.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố, doanh nghiệp chế biến thủy sản, Hiệp hội	20	-	Các cuộc điều tra được thực hiện vào các năm: 2022; 2025; 2030.
4	Nhiệm vụ xúc tiến đầu tư phát triển hệ thống kho lạnh bảo quản thủy sản.	Kêu gọi được các nguồn đầu tư từ FDI, ODA, xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác để hình thành hệ thống kho lạnh đạt chuẩn phục vụ bảo quản nguyên liệu và thành phẩm để điều tiết sản xuất, xuất khẩu; phân phối lưu thông.	Xây dựng danh mục các dự án vận động xúc tiến đầu tư; hỗ trợ quảng bá thông tin về tiềm năng cơ hội đầu tư vào hệ thống kho lạnh; xây dựng và thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư theo hướng đơn giản hóa, cụ thể, dễ thực hiện; hợp tác quốc tế, kêu gọi các nguồn đầu tư.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Công Thương, các cảng vụ quốc tế, doanh nghiệp chế biến thủy sản	20	20	2021 - 2030

STT	Tên chương trình/dự án	Mục tiêu	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự trữ kinh phí		Thời gian thực hiện dự kiến
						Nguồn ngân sách	Nguồn xã hội hóa	
5	Nghiên cứu, đánh giá và thông tin kịp thời nhu cầu, thị hiếu tiêu dùng thủy sản của các thị trường xuất khẩu trọng điểm, thị trường tiềm năng; xây dựng định hướng xuất khẩu thủy sản giai đoạn 2021 - 2030.	Phân tích, nắm bắt và thông tin kịp thời về nhu cầu, thị hiếu tiêu dùng thủy sản của các thị trường xuất khẩu trọng điểm, thị trường tiềm năng; xây dựng định hướng xuất khẩu thủy sản giai đoạn 2021 - 2030.	Khảo sát, đánh giá thông tin về nhu cầu, thị hiếu tiêu dùng thủy sản của các thị trường xuất khẩu trọng điểm, thị trường tiềm năng; đề xuất, xây dựng định hướng xuất khẩu thủy sản giai đoạn 2021 - 2030.	Bộ Công Thương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	10	-	2021 - 2030
6	Hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp, hình thành các cụm công nghiệp liên kết ngành chế biến thủy sản, chuỗi giá trị trong sản xuất công nghiệp nông thôn.	Hình thành được các cụm công nghiệp liên kết ngành chế biến thủy sản tại các vùng nguyên liệu tập trung.	Hỗ trợ các địa phương hình thành các cụm công nghiệp; liên kết và phát triển doanh nghiệp trong các cụm công nghiệp chế biến, trung tâm nghề cá...	Bộ Công Thương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, doanh nghiệp chế biến thủy sản, Hiệp hội	40	200	2021 - 2030



Phụ lục II
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Kèm theo Quyết định số 1408/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng chính phủ)

STT	Tên các dự án/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện dự kiến
1	Phổ biến, triển khai, kiểm tra, sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Đề án.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, doanh nghiệp chế biến thủy sản, Hiệp hội	Ngân sách nhà nước	Hàng năm
2	Dự án đổi mới công nghệ quốc gia, phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm giá trị gia tăng cao có nguồn gốc từ nguyên liệu, phụ phẩm thủy sản phục vụ ngành thực phẩm, hóa dược.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, doanh nghiệp chế biến thủy sản, Hiệp hội.	Ngân sách nhà nước, nguồn khác	2021 - 2030
3	Nhiệm vụ đánh giá tác động của các chính sách khuyến khích phát triển chế biến, bảo quản thủy sản giai đoạn 2010 - 2020 và đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung cho giai đoạn 2021 - 2030.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Công Thương, doanh nghiệp chế biến thủy sản, Hiệp hội	Ngân sách nhà nước, nguồn khác	2022 - 2025
4	Dự án điều tra, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp thúc đẩy chế biến, tiêu thụ sản phẩm thủy sản nội địa.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố, doanh nghiệp chế biến thủy sản, Hiệp hội	Ngân sách nhà nước	2022, 2025, 2030

STT	Tên các dự án/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện dự kiến
5	Nhiệm vụ xúc tiến đầu tư phát triển hệ thống kho lạnh bảo quản thủy sản.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố, doanh nghiệp chế biến thủy sản	Ngân sách nhà nước, nguồn khác	2021 - 2030
6	Nghiên cứu, đánh giá và thông tin kịp thời nhu cầu, thị hiếu tiêu dùng thủy sản của các thị trường xuất khẩu trọng điểm, thị trường tiềm năng; xây dựng định hướng xuất khẩu thủy sản giai đoạn 2021 - 2030.	Bộ Công Thương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ngân sách nhà nước	2021 - 2030
7	Hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp, hình thành các cụm công nghiệp liên kết ngành chế biến thủy sản, chuỗi giá trị trong sản xuất công nghiệp nông thôn.	Bộ Công Thương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, doanh nghiệp chế biến thủy sản, Hiệp hội	Ngân sách nhà nước, nguồn khác	2021 - 2030
8	Đầu tư xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới đặt tại các trung tâm nghề cá lớn.	Ủy ban nhân dân các tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ, doanh nghiệp chế biến thủy sản, Hiệp hội	Ngân sách nhà nước, nguồn khác	2021 - 2030
9	Xây dựng các mô hình phát triển sản phẩm thủy sản truyền thống, đặc sản, sản phẩm có thương hiệu, uy tín, đảm bảo chất lượng cao, an toàn thực phẩm, tiện dụng, giá cả cạnh tranh.	Ủy ban nhân dân các tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, doanh nghiệp chế biến thủy sản, Hiệp hội	Ngân sách nhà nước, nguồn khác	2021 - 2030

STT	Tên các dự án/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện dự kiến
10	Xây dựng các chuỗi giá trị cho các mặt hàng thủy sản từ khai thác, nuôi trồng đến chế biến, tiêu thụ; đáp ứng những tiêu chuẩn hướng tới sản xuất bền vững (bao gồm các tiêu chuẩn về môi trường, lao động...).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, doanh nghiệp chế biến thủy sản, Hiệp hội	Ngân sách nhà nước, nguồn khác	2021 - 2030
11	Rà soát, đầu tư và nâng cấp cơ sở dữ liệu quốc gia về chế biến thủy sản.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, doanh nghiệp chế biến thủy sản, Hiệp hội	Ngân sách nhà nước	2021 - 2030
12	Xem xét lựa chọn các doanh nghiệp, chuỗi sản xuất tôm, cá tra, cá ngừ, rong tảo biển để hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật trong nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm giá trị gia tăng cao có nguồn gốc từ nguyên liệu, phụ phẩm thủy sản phục vụ các ngành thực phẩm, hóa dược.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, doanh nghiệp chế biến thủy sản, Hiệp hội	Ngân sách nhà nước, nguồn khác	2021 - 2030
13	Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành rà soát, bổ sung các quy chuẩn, tiêu chuẩn; chính sách mang tính đặc thù của ngành chế biến thủy sản như giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao tỷ lệ thủy sản qua chế biến, đầu tư ứng dụng công nghệ cao, đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất, quản lý môi trường để thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến thủy sản bền vững, ổn định và hiệu quả.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, doanh nghiệp chế biến thủy sản, Hiệp hội	Ngân sách nhà nước, nguồn khác	2021 - 2030

STT	Tên các dự án/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện dự kiến
14	Nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ tiên tiến và tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất, bảo quản, chế biến thủy sản.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, doanh nghiệp chế biến thủy sản, Hiệp hội	Ngân sách nhà nước, nguồn khác	2021 - 2030
15	Nhiệm vụ tổ chức các diễn đàn khoa học công nghệ, hợp tác công tư, hội thảo tập huấn để phổ biến các quy định, công nghệ mới nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng cho cơ quan quản lý, doanh nghiệp chế biến thủy sản.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, doanh nghiệp chế biến thủy sản, Hiệp hội	Ngân sách nhà nước, nguồn khác	2021 - 2030